

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2026

V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thế.
- Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

Trong ngày 29/4/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 213/2026/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thanh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Số A, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số C, ấp T, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lữ Minh L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Phan Thanh H, anh Lữ Minh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2026 trình bày:

Chị Phan Thanh H và anh Lữ Minh L đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 77 ngày 17/9/2007. Sau khi kết hôn, chị H và anh L sống chung hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Cũng năm 2021, chị H và anh L sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với anh Lữ Minh L.

Về con chung: Chị **Phan Thanh H** và anh **Lữ Minh L** có ba con chung tên: **Lữ Thị Thúy V**, sinh ngày 02/9/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không Tòa án xem xét giải quyết; Chị **H** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên **Lữ Tấn N**, sinh ngày 20/01/2020, không yêu cầu anh **Lữ Minh L** cấp dưỡng nuôi con chung; Đồng ý giao con chung tên **Lữ Minh K**, sinh ngày 16/02/2011 cho anh **Lữ Minh L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **H** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Lữ Minh L**:*

Anh **Lữ Minh L** thống nhất với lời trình bày của chị **Phan Thanh H** về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc; thông tin và tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thông tin của con chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**, anh **L** có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh **Lữ Minh L** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **Phan Thanh H**.

- Về con chung: Chị **Phan Thanh H** và anh **Lữ Minh L** có ba con chung tên: **Lữ Thị Thúy V**, sinh ngày 02/9/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không Tòa án xem xét giải quyết; Đồng ý giao con chung tên **Lữ Tấn N**, sinh ngày 20/01/2020 cho chị **Phan Thị H1** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Lữ Minh L** không cấp dưỡng nuôi con chung; Anh **Lữ Minh L** yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên **Lữ Minh K**, sinh ngày 16/02/2011, không yêu cầu chị **H1** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Phan Thanh H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Lữ Minh L** cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 (viết tắt Bộ luật TTDS) xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh **Lữ Minh L** có địa chỉ cư trú tại: **Số A, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[1.3] Chị **H**, anh **L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị **H**, anh **L** có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/3/2026 và ngày 18/4/2026. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật TTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị **H** và anh **L** đăng ký kết hôn và được UBND xã **H**, huyện **L**, tỉnh **Đồng Tháp** cấp giấy chứng nhận số 77 ngày 17/9/2007 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị **H** cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh **L**. Tại Biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/4/2026, anh **L** thống nhất với lời trình bày của chị **H** và đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân của chị **H** và anh **L** đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. ; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Hôn nhân của chị **H** và anh **L** đã phát sinh mâu thuẫn và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Phan Thanh H** đối với anh **Lữ Minh L** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung:

Chị **H** và anh **L** thống nhất: có 03 con chung tên **Lữ Thị Thúy V**, sinh ngày 02/9/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không Tòa án xem xét giải quyết; giao con chung tên **Lữ Tấn N**, sinh ngày 20/01/2020 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên **Lữ Minh K**, sinh ngày 16/02/2011 cho anh **L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **H**, anh **L** không cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến thống nhất của đương sự là tự nguyện và đảm bảo quyền lợi mọi mặt, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **H** và ý kiến của anh **L** về con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H**, anh **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật TTDS.

[3] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật TTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị **H** và anh **L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật TTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thanh H.**

1. Về hôn nhân: Chị **Phan Thanh H** được ly hôn với anh **Lữ Minh L.**

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 17/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **L**, tỉnh **Đồng Tháp** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1. Con chung tên **Lữ Thị Thúy V**, sinh ngày 02/9/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không Tòa án xem xét giải quyết

2.2. Giao con chung tên **Lữ Tấn N**, sinh ngày 20/01/2020 cho chị **Phan Thị H1** trực tiếp nuôi dưỡng (con chung đang sống với chị **H1**).

2.3 Giao con chung tên **Lữ Minh K**, sinh ngày 16/02/2011 cho anh **Lữ Minh L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (con chung đang sống với anh **L**).

2.4. Chị **Phan Thị H1**, anh **Lữ Minh L** không cấp dưỡng nuôi con chung.

2.5. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị **Phan Thanh H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004547 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh **Đồng Tháp**.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Phan Thanh H** và anh **Lữ Minh L** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- UBND xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Xuyên